

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/DS-PT

Ngày: 29/3/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Liên

Các Thẩm phán: - Ông Trần Tuấn Quốc

- Bà Võ Bích Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Lê Hồng Trang – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 24 và ngày 29 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2021/TLPT-DS ngày 29 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 45/2020/DS-ST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân quận C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 74/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thu L, sinh năm:1955 (Có mặt).

Địa chỉ: Đường A, khu dân cư A, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ

- Bị đơn: Nguyễn Thị K, sinh năm: 1955 (Có mặt).

Địa chỉ: khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1(Có mặt).

Địa chỉ: Đường A, khu dân cư A, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

2. NLQ2, NLQ3

Địa chỉ: khu vực T, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

(Ông NLQ2, bà NLQ3 có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/9/2019 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu L trình bày,

Vào ngày 24/9/2005 bà Nguyễn Thị K có đến nhờ bà mượn giùm cho bị đơn 10 chỉ vàng 24k, để bị đơn sửa nhà. Vì là chỗ quen biết nên nguyên đơn có đi mượn giùm cho bị đơn 10 chỉ vàng 24k, số vàng này là nguyên đơn mượn của vợ chồng ông NLQ2, NLQ3. Sau khi mượn bà K có lập “Tờ cam kết mượn vàng” ngày 24/9/2005 và có ghi rõ đến ngày 24/9/2006 sẽ trả lại số vàng.

Đến ngày 24/9/2006 bị đơn không thực hiện trả vàng theo cam kết. Nguyên đơn nhiều lần đến đòi nhưng bị đơn vẫn không trả, lúc đầu bị đơn có nhận thiếu vàng nhưng thời gian sau bị đơn nói không có mượn vàng.

Vì thời gian mượn vàng của vợ chồng ông NLQ2 kéo dài nên nguyên đơn đã tự xuất vàng ra để trả cho vợ chồng ông NLQ2.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà K phải trả cho nguyên đơn 10 chỉ vàng 24k đã mượn từ năm 2005 cho đến nay.

Về phía bị đơn bà Nguyễn Thị K, không đưa ra ý kiến gì do trong quá trình thụ lý mời tham gia các phiên làm việc, hòa giải mà Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập bà K đều vắng mặt nên Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành hòa giải được.

Về phía người liên quan ông NLQ2, bà NLQ3 cho rằng,

Ông bà có cho nguyên đơn bà L mượn 10 chỉ vàng 24k. Quá trình bà L vay thì bà K có đóng lãi 01 đến 02 lần. Sau đó bà K không đóng lãi nữa nên nguyên đơn đã yêu cầu bà L trả nợ, và bà L đã trả nợ xong. Theo như ông NLQ2, bà NLQ3 thì đây là bà L vay vàng giùm cho bà K, nhưng không biết số lượng cụ thể. Ông NLQ2, bà NLQ3 cũng là người viết giùm giấy vay nợ giữa bà L và bà K. Do không liên quan nên ông bà có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn có mặt và cho rằng bị đơn không có vay vàng của bà L nên không đồng ý trả.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 45/2020/DS-ST ngày 27/11/2020 của Tòa án nhân dân quận Cái Răng đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 10 chỉ vàng 24k.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm.

Ngày 03/12/2020 bị đơn bà Nguyễn Thị K đã kháng cáo yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi bị đơn trả 10 chỉ vàng 24k đã vay mượn, và xác nhận là bị đơn có trả cho nguyên đơn được khoảng 01 năm tiền lãi, mỗi tháng trả 40.000 đồng x 12 tháng = 480.000 đồng.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị đơn thừa nhận có ký “Tờ cam kết mượn vàng” ngày 24/9/2005 nhưng nại ra rằng bị đơn chưa nhận vàng nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà K nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong hạn luật định nên xem xét hợp lệ về mặt hình thức.

- Về nội dung kháng cáo: Bị đơn kháng cáo yêu cầu bác yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số vàng 10 chỉ vàng 24k. Nhận thấy,

Việc bị đơn thừa nhận có ký vào “Tờ cam kết mượn vàng” ngày 24/9/2005, nhưng bị đơn cho rằng không có nhận vàng nên không đồng ý trả, tuy nhiên bị đơn không đưa ra chứng cứ gì để chứng minh nên không có cơ sở để xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn thừa nhận là bị đơn có trả cho nguyên đơn tiền lãi mỗi tháng là 40.000 đồng và trả được khoảng 01 năm. Tuy nhiên, đối với số tiền đóng lãi hàng tháng các đương sự không có ai yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản là chưa chính xác, bởi thời hiệu khởi kiện của hợp đồng vay tài sản đã hết nên cần xác định đây là quan hệ tranh chấp “Đòi lại tài sản”.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, thẩm tra các chứng cứ này tại phiên tòa, nghe các bên đương sự trình bày tranh luận; và nghe đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ tranh chấp*: Theo đơn khởi kiện ngày 23/9/2019 thì bà Nguyễn Thị Thu L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị K trả số vàng đã vay mượn, vì vậy cấp sơ thẩm xác định đây là loại kiện tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết.

[2] *Xét kháng cáo của bị đơn*: Bị đơn bà K kháng cáo yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số vàng 10 chỉ vàng 24k. Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn bà L kiện bị đơn bà K đề đòi số vàng cho bị đơn vay mượn là 10 chỉ vàng 24k. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là “*Tờ cam kết mượn vàng*” ngày 24/9/2005 được viết tay có nội dung: “*Hôm nay ngày 24 tháng 9 năm 2005 Tôi Nguyễn Thị K sinh năm 1955 Tôi có nhờ vợ chồng anh tám Lân mượn 10 chỉ vàng để sửa nhà tôi hứa đến ngày 24 tháng 9 năm 2006 thì trả nếu tôi thất hứa tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm*”.

Về phía bị đơn tại phiên tòa sơ thẩm, và tại phiên tòa phúc thẩm đều thừa nhận rằng, bị đơn có ký “*Tờ cam kết mượn vàng*” ngày 24/9/2005 và xác định nội dung ghi là đúng. Chứng cứ này do nguyên đơn cung cấp được bị đơn thừa nhận nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc bị đơn nại rằng trên thực tế bị đơn chưa nhận vàng như trong “*Tờ cam kết mượn vàng*” đã ghi nên không đồng ý trả, nhưng bị đơn không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh là bị đơn chưa nhận số vàng này; mặt khác tại phiên tòa bị đơn thừa nhận việc ký vào “*Tờ giấy cam kết mượn vàng*” là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Do đó, việc bị đơn không đồng ý trả nợ cho nguyên đơn là không có căn cứ để xem xét.

Quan điểm của Viện kiểm sát cho rằng quan hệ tranh chấp trong vụ án này phải là tranh chấp “*Đòi lại tài sản*” và đề nghị bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Nhận thấy, theo Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối năm 2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (có hiệu lực từ ngày 01/6/2006) quy định: “*Trên lãnh thổ Việt Nam, mọi giao dịch, thanh toán, niêm yết, quảng cáo của người cư trú, người không cư trú không được thực hiện bằng ngoại hối, trừ các giao dịch với các tổ chức tín dụng, các trường hợp thanh toán thông qua trung gian gồm thu hộ, ủy thác, đại lý và các trường hợp cần thiết khác được Thủ tướng Chính phủ cho phép*”; và được quy định tại Điều 29 Nghị định 160/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh ngoại hối.

Như vậy, kể từ ngày 01/6/2006 thì giữa cá nhân với nhau không được phép thực hiện giao dịch cho vay bằng ngoại hối. Nên việc cho vay bằng vàng là trái với quy định của pháp luật, giao dịch vô hiệu không được phép tính lãi, chỉ trả lại vốn vay mà thôi.

Do đó, xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, nhưng giao dịch này đã bị vô hiệu ngay từ khi bắt đầu. Vì vậy, các bên có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nhau những gì đã nhận. Cụ thể:

Bị đơn phải trả lại số vàng vốn cho nguyên đơn là 10 chỉ vàng 24k.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn thừa nhận có nhận 01 năm tiền lãi của bị đơn, mỗi tháng nhận 40.000 đồng x 12 tháng = 480.000 đồng, nên nguyên đơn có nghĩa vụ hoàn trả số tiền lãi đã nhận này cho bị đơn, số tiền này được quy đổi ra giá trị vàng tương đương tại thời điểm thi hành án và được khấu trừ vào số vốn 10 chỉ vàng 24k mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị K là không có cơ sở chấp nhận, cần sửa lại bản án sơ thẩm theo hướng nhận định trên.

Các vấn đề khác trong vụ án không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:*

Kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn sinh năm 1955 thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Pháp lệnh số 28/2005/PL-UBTVQH 11 ngày 13/12/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu L.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị K phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu L 10 (mười) chỉ vàng 24k.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu L phải hoàn trả cho bị đơn bà Nguyễn Thị K số tiền lãi đã nhận là 480.000 đồng được quy đổi ra trị giá vàng tương đương tại thời điểm thi hành án và được khấu trừ vào số vàng vốn 10 (mười) chỉ vàng 24k mà bà K phải trả cho bà L.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị K là người cao tuổi (sinh năm 1955) nên được miễn án phí.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.069.000 đồng theo biên lai thu số 005839 ngày 06/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án này là phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (Ngày 29/3/2021).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Q. C;
- VKSND TP. Cần Thơ ;
- Chi cục THA DS Q. C;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trương Thị Liên